

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**
Bản án số: **07/2023/DS-ST**

Ngày: 08/02/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Trụ sở tại: Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Trần Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ - Khối Ngân hàng Bán lẻ, địa chỉ: Đường K, Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Q)

Ủy quyền lại cho:

1./ Ông Bùi Đăng D, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q;

2./ Ông Đinh Trọng C, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q;

3./ Ông Lê Nguyễn Tuấn H, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q;

Địa chỉ liên hệ: Đường Đ, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Theo Giấy ủy quyền số 034470.21 ngày 24/12/2021 của Ngân hàng TMCP Q).
(Ông C có mặt, các ông bà còn lại vắng mặt).

* Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn M**, sinh năm 1964, địa chỉ: Khu phố 6, phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2022, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Q – PGD C có ký với ông Nguyễn Văn M Hợp đồng tín dụng số 2016.0095.HĐTD.671 ngày 22/4/2016 với nội dung:

- Số tiền giải ngân: 591.000.000 (năm trăm chín mươi một triệu) đồng.
- Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA HILUX

G

- Thời hạn vay: 60 tháng từ 22/4/2016 đến 22/4/2021

- Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 22 hàng tháng: Kỳ trả đầu tiên 22/5/2016, kỳ trả cuối 22/4/2021; Mỗi kỳ trả 9.850.000 (chín triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả lãi: Vào ngày 22 hàng tháng;
- Trả phí: Theo quy định của Q từng thời kỳ;
- Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn M theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 2016.0095.KUNN.622 ngày 22/4/2016 với số tiền 591.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 17/10/2022, ông Nguyễn Văn M đã thanh toán cho Q số tiền là: 363.345.666 đồng (Trong đó gốc là 261.480.880 đồng và lãi là 101.864.786 đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu ông M thanh toán nợ nhưng ông M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 11/8/2021 là 514.713.472 (năm trăm mười bốn triệu, bảy trăm mười ba nghìn, bốn trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2016.0095.HĐTD.671 ngày 22/4/2016 là 514.713.472 đồng, nợ gốc là 329.519.120 đồng, nợ lãi là 66.429.767 đồng, nợ lãi quá hạn 118.764.585 đồng.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn M còn phải chịu tiền lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 12/8/2021 cho đến khi ông M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn M, xác định đến ngày 08/02/2023, ông Nguyễn Văn M còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2016.0095.HĐTD.671 ngày 22/4/2016 là 610.159.999 (sáu trăm mười triệu, một

trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín) đồng, trong đó: Nợ gốc là 329.519.120 đồng, nợ lãi trong hạn là 58.684.617 đồng, nợ lãi quá hạn là 185.429.808 đồng và lãi phạt chậm trả là 36.526.454 đồng.

- Ngân hàng Q yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn M phải trả ngay cho Ngân hàng Q số tiền 610.159.999 (sáu trăm mười triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín) đồng, trong đó: Nợ gốc là 329.519.120 đồng, nợ lãi trong hạn là 58.587.684 đồng, nợ lãi quá hạn là 185.429.808 đồng, lãi phạt chậm trả là 36.526.454 đồng và tiền lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 09/02/2023 cho đến khi ông M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết.

- Ngân hàng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 2016.0095.HĐTC.671.

Bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Ngân hàng TMCP Q có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn M để yêu cầu ông M phải trả số tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện và cung cấp địa chỉ của ông Nguyễn Văn M theo các hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Kết quả xác minh xác định ông Nguyễn Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ khu phố 6, phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhưng thực tế không cư trú, không rõ nơi cư trú hiện nay. Việc bị đơn đang có nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP Q nhưng thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết

về nơi cư trú mới của mình theo quy định được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án thụ lý vụ án và giải quyết theo thủ tục chung. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 22/4/2016, Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn Văn M có thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng (cho vay mua ô tô tiêu dùng/kinh doanh) số 2016.0095.HĐTD.671 với các nội dung:

- Khoản vay: 591.000.000 VND (Năm trăm chín mươi một triệu đồng chẵn).
- Thời hạn của khoản vay: 60 tháng tính từ ngày khoản vay được giải ngân.
- Mục đích: Đáp ứng nhu cầu mua xe ô tô bán tải của bên vay.
- Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân.
- Phương thức thanh toán: Hoàn trả khoản vay gốc và lãi hàng tháng.
- Tài sản đảm bảo: Xe ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu TOYOTA HILUX, biển số 72C-083.13, số khung MR0HZ8CD9G0404948, số máy 1KDU863358 theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 2016.0095.02.HĐTC.671 ngày 28/4/2016 giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn Văn M.

Hợp đồng tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đủ điều kiện có hiệu lực nên xác định hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

[2.2] Quá trình thực hiện, ngày 22/4/2016, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân số tiền 591.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn M theo Phụ lục Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ cùng ngày. Tại Phụ lục này, mức lãi suất cho vay được áp dụng là 7,49%/năm (lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân). Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh theo mức lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Q công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.9%/năm.

[2.3] Mức lãi suất trong hạn được áp dụng thực tế đối với hợp đồng ngày 22/4/2016 cụ thể như sau: Từ ngày 22/4/2016 đến ngày 22/10/2016 là 7,49%/năm, từ ngày 22/10/2016 đến ngày 22/4/2017 điều chỉnh lên mức 10,06%/năm, từ ngày 22/4/2017 đến ngày 22/4/2018 điều chỉnh lên mức 11%, từ ngày 22/4/2018 đến ngày 22/10/2018 điều chỉnh lên mức 11,80%/năm, từ ngày 22/10/2018 đến ngày 22/10/2019 điều chỉnh lên mức 12,30%/năm, từ ngày 22/10/2019 đến ngày 22/4/2020 điều chỉnh mức lãi suất xuống còn 11,89%/năm, từ ngày 22/4/2020 đến ngày 22/10/2020 điều chỉnh mức lãi suất xuống 11,49%/năm và từ ngày 22/10/2020 đến ngày xét xử điều chỉnh mức lãi suất còn 10,59%/năm. Mức lãi suất và việc điều chỉnh mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận về lãi suất vay của hai bên cũng như các quy định về lãi suất của pháp luật và đã được các bên tiến hành thực hiện nên mức lãi suất trong hạn cũng như lãi suất quá hạn được chấp nhận.

[2.4] Theo trình bày và các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ thì ông Nguyễn Văn M đã có sự vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nợ. Cụ thể, đến ngày 28/3/2021,

ông Nguyễn Văn M đã không tiếp tục thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng Q theo các thỏa thuận.

Tính đến ngày 08/02/2023, ông Nguyễn Văn M đã thanh toán cho Q số tiền 363.345.666 (ba trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó: Gốc 261.480.880 đồng và lãi là 101.864.786 đồng; Còn nợ Ngân hàng Q số tiền 610.159.999 đồng, trong đó: Nợ gốc: 329.519.120 đồng; nợ lãi trong hạn: 58.684.617 đồng; nợ lãi quá hạn: 185.429.808 đồng; lãi phạt chậm trả: 36.526.454 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q về việc buộc ông Nguyễn Văn M phải thanh toán số dư nợ cũng như tiền lãi tiếp theo theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.5] Đối với Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 2016.0095.02.HĐTC.671 ngày 28/4/2016, do không có ai yêu cầu giải quyết đồng thời Q xác nhận tài sản thế chấp hiện không do Q quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giành quyền khởi kiện cho các bên liên quan và giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự theo quy định. Ngân hàng TMCP Q được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 40, Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Nguyễn Văn M.

2. Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số nợ tính đến ngày 08/02/2023 là 610.159.999 (sáu trăm mười triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín) đồng, trong đó: Nợ gốc: 329.519.120 (ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm mười chín nghìn, một trăm hai mươi) đồng; Nợ lãi trong hạn là: 58.684.617 (năm mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm mười bảy) đồng; Nợ lãi quá hạn là: 185.429.808 (một trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm lẻ tám) đồng; Lãi phạt chậm trả là: 36.526.454 (ba mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi tư) đồng. Kể từ ngày 09/02/2023, ông Nguyễn Văn M còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán theo

mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2016.0095.HĐTD.671 ngày 22/4/2016 và Khế ước nhận nợ ngày 22/4/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ. Việc thanh toán được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn M phải nộp 28.406.399 (hai mươi tám triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm chín mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.294.000 (mười hai triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004683 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa.

4. Nguyên, bị đơn, người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; riêng những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thanh Tâm